BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1215/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Trắc địa - Mã số: 752050301 (ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Mã số: 7520503)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo; Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ công văn số 153-01/MĐC-TĐ-BĐ-QLĐĐ ngày 15/3/2018 của Hội đồng khoa học khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai về việc thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra (danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo có nhiệm vụ tổ chức triển khai việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành. Tổ công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HC-TH, ĐTĐH (09)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

DANH SÁCH
TỔ CÔNG TÁC RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA
(Kèm theo Quyết định số 1215 /QĐ-MĐC ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

1.	PGS.TS Nguyễn Việt Hà	Trưởng bộ môn Trắc địa công trình, Tổ trưởng.
2.	ThS. Nguyễn Gia Trọng	Phó trưởng bộ môn Trắc địa cao cấp, Thư ký.
3.	TS. Đinh Công Hòa	Phó trưởng bộ môn Trắc địa phổ thông và sai số, Thành viên
4.	ThS. Nguyễn Thị Kim Thanh	Bộ môn Trắc địa công trình, Thành viên
5.	ThS. Lê Thị Thanh Tâm	Bộ môn Trắc địa cao cấp, Thành viên
6.	ThS. Trần Anh Tuấn	Bộ môn Trắc địa phổ thông và sai số, Thành viên

Tổng số: 06 cán bộ./.

Mẫu 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT **KHOA TRẮC ĐỊA – BẢN ĐỒ VÀ QLĐĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 153_01/MĐC-TĐ-BĐ-QLĐĐ	*Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2018*

V/v thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào thông báo số 141/MĐC-ĐTĐH ngày 12/3/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Căn cứ vào cuộc họp của bộ môn Trắc địa công trình, Trắc địa cao cấp, Trắc địa phổ thông và sai số về việc thành lập tổ công tác rà soát cho chuyên ngành Trắc địa (ngành Trắc địa - Mã số: 7520503).

Bộ môn Trắc địa công trình, Trắc địa cao cấp, Trắc địa phổ thông và sai số đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra:

1. PGS. TS Nguyễn Việt Hà	Trưởng bộ môn Trắc địa công trình, Tổ trưởng.
2. ThS. Nguyễn Gia Trọng	P. Trưởng bộ môn Trắc địa cao cấp, thư ký
3. TS. Đinh Công Hòa	P. Trưởng bộ môn Trắc địa phổ thông, Thành viên.

4. ThS. Nguyễn Thị Kim Thanh Bộ môn Trắc địa công trình, Thành viên.
5. ThS. Lê Thị Thanh Tâm Bộ môn Trắc địa cao cấp, Thành viên.
6. ThS. Trần Anh Tuấn Bộ môn Trắc địa phổ thông, Thành viên.

Trân trọng ./.

Hội đồng khoa học
Khoa Trắc địa – BĐ và Quản lý đất đai

Trần Thùy Dung

Bộ môn TĐCT, TĐCC, TĐPT&SS

Nguyễn Việt Hà — Nguyễn Văn Sáng

Mẫu 2

KHOA TRẮC ĐỊA – BĐ VÀ QLĐĐ
BỘ MÔN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học cho chuyên ngành Trắc địa
(ngành Kỹ thuật trắc địa – bản đồ - Mã số: 7520503)

Ngày 30/3/2018, vào lúc 8 giờ 30 phút, Bộ môn Trắc địa công trình, Trắc địa cao cấp, Trắc địa phổ thông và sai số đã họp về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học chuyên ngành: Trắc địa (ngành: Kỹ thuật trắc địa – bản đồ - Mã số: 7520503). Thành phần tham dự:

- Các cán bộ tham gia giảng dạy Đại học chuyên ngành Trắc địa (ngành Kỹ thuật trắc địa – bản đồ)
- Chủ trì cuộc họp: PGS. TS Nguyễn Việt Hà - Trưởng bộ môn (Tổ trưởng công tác rà soát)
- Thư ký: ThS Nguyễn Gia Trọng (Thư ký tổ công tác rà soát)

NỘI DUNG:

1. PGS. TS Nguyễn Việt Hà - chủ trì cuộc họp nêu lý do tổ chức cuộc họp.

2 PGS. TS Nguyễn Việt Hà thay mặt Bộ môn Trắc địa công trình, Trắc địa cao cấp, Trắc địa phổ thông và sai số trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học.

3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến:

3.1. ThS. Nguyễn Gia Trọng — P. Trưởng bộ môn Trắc địa cao cấp, thư ký
3.2. TS. Đinh Công Hòa — P. Trưởng bộ môn Trắc địa phổ thông, Thành viên.
3.3. ThS. Nguyễn Thị Kim Thanh — Bộ môn Trắc địa công trình, Thành viên.
3.4. ThS. Lê Thị Thanh Tâm — Bộ môn Trắc địa cao cấp, Thành viên.
3.5. ThS. Trần Anh Tuấn — Bộ môn Trắc địa phổ thông, Thành viên

* Các thành viên khác: Về cơ bản đồng ý với các nội dung điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác rà soát, điều chỉnh.

4. Các thành viên trong Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trả lời và giải đáp các ý kiến về việc điều chỉnh - bổ sung trong chương trình đào tạo.

5. PGS. TS Nguyễn Việt Hà tổng hợp các ý kiến và thống nhất các nội dung rà soát, điều chỉnh trong chương trình đào tạo và phân công nhiệm vụ cho các cá nhân trong việc điều chỉnh lại chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trước khi thông qua Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa, Nhà trường:

Cuộc họp kết thúc hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, biên bản cuộc họp được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	CHỦ TRÌ
ThS. Nguyễn Gia Trọng	PGS. TS Nguyễn Việt Hà

Mẫu 3.2

KHOA TRẮC ĐỊA – BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI **BỘ MÔN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH, TRẮC ĐỊA CAO CẤP, TRẮC ĐỊA PHỔ THÔNG VÀ SAI SỐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN HỘI THẢO

Về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018

Ngày 02 tháng 4 năm 2018. Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đóng góp về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo ở trình độ Đại học chuyên ngành Trắc địa

Thành phần tham dự:

- Thành viên Hội đồng khoa Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
- Thành viên Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo
- Các Đại biểu khách mời
- Chủ trì cuộc họp: PGS.TS Nguyễn Văn Sáng
- Thư ký: ThS. Nguyễn Gia Trọng

NỘI DUNG:

1. PGS.TS Nguyễn Văn Sáng chủ trì buổi hội thảo nêu lý do tổ chức cuộc họp.
2. Báo cáo những nội dung cơ bản trong chương trình đào tạo Đại học, chuyên ngành Trắc địa

   - PGS.TS Nguyễn Việt Hà báo cáo nội dung các môn học của hướng chuyên sâu Trắc địa công trình;

   - PGS.TS Nguyễn Văn Sáng báo cáo nội dung các môn học của hướng chuyên sâu Trắc địa cao cấp;

   - TS. Đinh Công Hòa báo cáo nội dung các môn học của hướng chuyên sâu Trắc địa địa hình và xử lý số liệu.
3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến

   - ***PGS.TS Dương Vân Phong:***

Chương trình đào tạo năm 2016 được soạn thảo tương đối công phu. Các hướng nghiên cứu viết cụ thể, tuy nhiên phần kỹ năng nên bổ sung kỹ năng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

- ***PGS.TS Nguyễn Quang Minh:***

Phần mục tiêu các kỹ năng khá rộng; phù hợp với chương trình đào tạo đại học.

- ***PGS.TS. Nguyễn Việt Hà:***

Các môn học và nội dung các môn học trong các hướng chuyên sâu là những nội dung cần thiết phải trang bị cho các em sinh viên trong quá trình học; Trong nội dung các môn học cần nhấn mạnh các kiến thức lý thuyết.

- **PGS.*TS. Trần Vân Anh:***

Về cấu trúc của chương trình: đã có đầy đủ các nội dung cho đối tượng học đại học. Về thời lượng và nội dung: khá phù hợp với các quy định của Quy chế.

- ***PGS.TS Đặng Nam Chinh:***

Trình bày rõ thêm về phân bố khối lượng trong các mục đào tạo; Nên bổ sung kỹ năng sử dụng các phân mềm chuyên dụng tiên tiến trong ngành.

- ***PGS.TS Trần Xuân Trường***

Nhìn chung chương trình đào tạo năm 2016 được soạn thảo tương đối tất và đầy đủ, đề nghị đưa thêm kỹ năng mềm: làm việc theo nhóm trong chương trình đào tạo năm 2018.

- ***TS. Vũ Văn Trí*:**

Chương trình đào tạo năm 2016 nói chung được soạn thảo tốt, phù hợp với chuyên ngành đào tạo;

4. Các thành viên trong Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trao đổi và giải đáp các ý kiến về việc điều chỉnh - bổ sung phiên bản trong chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018.

5. PGS.TS Nguyễn Văn Sáng tổng hợp các ý kiến và thống nhất các nội dung trong phiên bản chương trình đào tạo năm 2016 không thay đổi gì với các nội dung trong phiên bản chương trình đào tạo năm 2018.

Buổi hội thảo kết thúc hồi 11h45 cùng ngày, biên bản hội thảo được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	CHỦ TRÌ
ThS. Nguyễn Gia Trọng	PGS.TS Nguyễn Văn Sáng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1216/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Trắc địa - Mã số: 752050301; ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Mã số: 7520503 của Khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai - Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1215 /QĐ-MĐC ngày 16/3/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Trắc địa - Mã số: 752050301 (ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Mã số: 7520503);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Trắc địa (ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ) gồm các thành viên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học tổ chức thực hiện thẩm định chương trình theo Quy định của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định hiện hành. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thành viên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(09).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH TRẮC ĐỊA - MÃ SỐ: 752050301
(NGÀNH KỸ THUẬT TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ - MÃ SỐ: 7520503)

(Kèm theo QĐ số: 1216/QĐ-MĐC ngày 6 /4/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Họ tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	TS. Trần Ngọc Đông	Trưởng phòng Quan trắc tự động, Viện khoa học kỹ thuật Xây dựng	Chủ tịch hội đồng
2	TS. Đinh Công Hòa	Phó trưởng bộ môn Trắc địa phổ thông và sai số, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thư ký
3	PGS.TS Nguyễn Văn Sáng	Phó trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
4	PGS.TS Nguyễn Việt Hà	Trưởng bộ môn Trắc địa công trình, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
5	PGS. TS Nguyễn Đức Khoát	Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
6	ThS. Diêm Công Huy	Giám đốc Trung tâm trắc địa, Viện Khoa học kỹ thuật Xây dựng	Ủy viên
7	PGS.TS Đỗ Ngọc Đường	Hội Trắc địa bản đồ viễn thám Việt Nam	Ủy viên

Tổng số: 07 cán bộ./.

Mẫu 4

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA – BẢN ĐỒ VÀ QLĐĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/ MĐC-TĐ-BĐ-QLĐĐ

Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2018

V/v thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Trắc địa của Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai - Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Kính gửi:
- Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào cuộc họp của bộ môn Trắc địa công trình, Trắc địa cao cấp, Trắc địa phổ thông và sai số về việc thành lập hội đông thẩm định chương trình đào tạo cho chuyên ngành Trắc địa (ngành Kỹ thuật Trắc địa – bản đồ - Mã số: 7520503). Bộ môn đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học thành lập hội đồng thẩm định với danh sách như sau:

1. TS. Trần Ngọc Đông	Trưởng phòng quan trắc tự động, Viện khoa học KT Xây dựng, Chủ tịch hội đồng
2. TS Đinh Công Hòa	P. Trưởng bộ môn Trắc địa phổ thông và sai số, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Thư ký
3. PGS.TS. Nguyễn Văn Sáng	P. Trưởng Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Ủy viên.
4. PGS.TS. Nguyễn Việt Hà	Trưởng bộ môn Trắc địa công trình, Trường Đại học Mỏ - Địa chất,, ủy viên

5. PGS.TS Nguyễn Đức Khoát	Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Ủy viên.
6. ThS Diêm Công Huy	Giám đốc Trung tâm trắc địa, Viện Khoa học KT Xây dựng, ủy viên
7. PGS.TS. Đỗ Ngọc Đường	Hội trắc địa bản đồ viễn thám Việt Nam,ủy viên

Trân trọng ./.

Hội đồng khoa học

Khoa Trắc địa – BĐ và Quản lý đất đai

Trần Thuỳ Dung

Bộ môn TĐCT, TĐCC, TĐPT&SS

Nguyễn Việt Hà

KHOA TRẮC ĐỊA-BẢN ĐỒ VÀ QLĐĐ
BỘ MÔN TĐCT – TĐCC – TĐPT & SS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH TRẮC ĐỊA (NGÀNH KỸ THUẬT TRẮC ĐỊA – BẢN ĐỒ - MÃ SỐ: 7520503)

Hôm nay, vào lúc 8h30ph ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại phòng C1005 Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Hội đồng thẩm định Chương trình hệ Đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa, ngành Kỹ thuật Trắc địa – bản đồ - mã số: 7520503 của Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai - Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định

TT	Họ tên, học hàm, học vị	Cơ quan công tác	Chuyên ngành	Trách nhiệm trong Hội đồng	Ghi chú
1	TS. Trần Ngọc Đông	Trưởng phòng quan trắc tự động, Viện khoa học CN Xây dựng		Chủ tịch	
2	TS Đinh Công Hòa	Trưởng bộ môn Trắc địa phổ thông và sai số		Thư ký	
3	PGS.TS. Nguyễn Văn Sáng	P. Trưởng Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất		Ủy viên	
4	PGS. TS. Nguyễn Việt Hà	Trưởng bộ môn Trắc địa công trình, trường Đại học Mỏ-Địa Chất		Ủy viên	
5	PGS.TS Nguyễn Đức Khoát	Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất		Ủy viên	
6	ThS. Diêm Công Huy	Giám đốc Trung tâm Trắc địa, Viện KHCN xây dựng		Ủy viên	

7	PGS.TS. Đỗ Ngọc Đường	Hội trắc địa bản đồ viễn thám Việt Nam		Ủy viên	

II. Nội dung thẩm định

1. Bộ môn báo cáo tóm tắt nội dụng quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy chuyên ngành Trắc địa -Ngành Kỹ thuật trắc địa – bản đồ -Mã số: 7520503

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng về chương trình đào tạo

3. Bộ môn trả lời các câu hỏi của thành viên Hội đồng thẩm định

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín

5. Kết quả thẩm định bằng phiếu

- Số phiếu đánh giá Chương trình phát ra:
- Số phiếu đánh giá Chương trình thu về:
- Phiếu hợp lệ:
- Phiếu không hợp lệ:
- Số phiếu đánh giá Chương trình đạt yêu cầu:
- Số phiếu đánh giá Chương trình không đạt yêu cầu:

6. Kết luận của Hội đồng thẩm định

Phiên họp kết thúc vào hồi 11h45ph ngày 13 tháng 4 năm 2018

Thư ký Hội đồng	**Chủ tịch Hội đồng**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*
Đỗ Cẩm Tú	Trần Ngọc Đông

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: Trần Ngọc Đông

Chức danh..... Năm phong..... Học vị: TS..... Năm bảo vệ: 2014

Cơ quan công tác: Viện Khoa học công nghệ Xây dựng

Ngành: Trắc địa

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành trắc địa- Mã số:

Của Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai - Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1.Về chất lượng chương trình:

Chương trình có chất lượng, có tính bền vững và đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành và chuyên ngành

2. Về hình thức chương trình:

Chương trình có hình thức sạch đẹp, bố cục rõ ràng.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Đề nghị tham khảo thêm các ý kiến của các đơn vị sản xuất

Ngày 10 **tháng** 4 **năm 2018**

Người nhận xét ký tên

Trần Ngọc Đông

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: Đinh Công Hoá

Chức danh: GVC Năm phong: 2000 Học vị: TS Năm bảo vệ: 1997

Cơ quan công tác: Đại học Mỏ - Địa chất

Ngành: Trắc địa

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Trắc địa - Mã số:

Của khoa Trắc địa-Bản đồ và Quản lý đất đai-Trường Đại học Mỏ- Địa Chất

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1.Về chất lượng chương trình:

Chương trình có chất lượng và đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành.

2. Về hình thức chương trình:

Hình thức sạch đẹp, bố cục hợp lý

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Tham khảo ý kiến của cơ quan sản xuất

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét ký tên

Đỗ Cẩm Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: Nguyễn Văn Sáng

Chức danh: PGS, Năm phong: 2018, Học vị: Tiến sĩ, Năm bảo vệ: 2012

Cơ quan công tác: Bộ môn Trắc địa cao cấp, Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ngành: Kỹ thuật Trắc địa - bản đồ

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Trắc địa - Mã số:

Của khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai - Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1.Về chất lượng chương trình:

- Chương trình đào tạo đã trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Trắc địa bản đồ và cập nhật một cách có hệ thống các công nghệ tiên tiến của ngành.
- Chương trình đào tạo có sự kết hợp hợp lý giữa lý thuyết và thực hành.
- Khi xây dựng chương trình đã tham khảo một số chương trình của nước ngoài và chương trình đào tạo của các trường khác ở trong nước nên đảm bảo tính hiện đại và hội nhập.

2. Về hình thức chương trình:

Chương trình được trình bày theo đúng yêu cầu về xây dựng chương trình đào tạo.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Cần thường xuyên rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng phát triển của thế giới về ngành là: Thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, biểu diễn dữ liệu. Nên rút ngắn thời gian đào tạo xuống 4 năm.

Ngày tháng năm 2018
Người nhận xét ký tên

Nguyễn Văn Sáng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét:.....Nguyễn Việt Hà.....

Chức danh. PGS... Năm phong. 2018.. Học vị....TS..... Năm bảo vệ:. 2011..

Cơ quan công tác:....ĐH Mỏ - Địa chất.....

Ngành:.....Trắc địa.....

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành trắc địa- Mã số:

Của Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai - Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1.Về chất lượng chương trình:

.....Chương trình có chất lượng, có tính bền vững và đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành và chuyên ngành.....

.....

2. Về hình thức chương trình:

.....Chương trình có hình thức đẹp và bố cục hợp lý.....

.....

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Đề nghị tham khảo thêm các ý kiến của đơn vị sản xuất

Ngày 10 **tháng** 4 **năm 2018**

Người nhận xét ký tên

Nguyễn Việt Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét:.....DIÊM CÔNG HUY.....

Chức danh..... Năm phong..... Học vị..Th.S..... Năm bảo vệ:..2013.

Cơ quan công tác:...Viện KH.CN Xây dựng – Bộ Xây dựng (IBST).

Ngành:.....Trắc địa.....

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành trắc địa- Mã số:

Của Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai - Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1.Về chất lượng chương trình:

.....Chương trình có chất lượng, có tính bền vững và
.....đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành
.....và chuyên ngành.....
.....

2. Về hình thức chương trình:

.....Chương trình có kết cấu và bố cục hợp lý.
.....
.....

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Đề phị Tham Khảo thêm cái ý kiến của
các đơn vị sản xuất

Ngày 10 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét ký tên

Điền Công Huy.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: Đỗ Ngọc Đường

Chức danh PGS; Năm phong 1991; Học vị Tiến sĩ; Năm bảo vệ: 1978

Cơ quan công tác: Hội Trắc địa, bản đồ, viễn thám và hệ thông tin địa lý Việt Nam

Ngành: Kỹ thuật trắc địa bản đồ

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Trắc địa - Mã số:

Của bộ môn khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai - Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1.Về chất lượng chương trình:

- Bên cạnh việc trang bị đầy đủ kiến thức cơ bản của ngành trắc địa - bản đồ, chương trình đã chú trọng cung cấp các kiến thức chuyên sâu theo các hướng khác nhau giúp người học có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu sâu hơn sau khi tốt nghiệp.
- Có sự kết hợp hợp lý giữa lý thuyết và thực hành.
- Khi xây dựng chương trình đã tham khảo một số chương trình của nước ngoài nên đảm bảo tính hiện đại và hội nhập.

2. Về hình thức chương trình:

Chương trình được trình bày theo đúng yêu cầu về xây dựng chương trình đào tạo, có tính thẩm mỹ cao.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Đứng trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, thông tin được cập nhật theo cấp số nhân cần phải liên tục cập nhật thông tin để chỉnh sửa chương trình đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội. Bên cạnh đó, cần có những nội dung mang tính định hướng cho sự phát triển của ngành trắc địa - bản đồ.

Ngày tháng năm 2018

Người nhận xét ký tên

Đỗ Ngọc Đường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét:....Nguyễn Đức Khoát.....

Chức danh..PGS... Năm phong..... Học vị....TS..... Năm bảo vệ:.....

Cơ quan công tác:.....Đại học Mỏ - Địa Chất.....

Ngành:.....

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành trắc địa- Mã số:

Của Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai - Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1.Về chất lượng chương trình:

.....Chương trình có chất lượng, có tính bền vững và đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành và chuyên ngành.....

2. Về hình thức chương trình:

.....Chương trình được trình bày theo đúng yêu cầu về xây dựng chương trình đào tạo, bố cục hợp lý.....

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Đề nghị tham khảo thêm ý kiến của các đơn vị sản xuất

Ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét ký tên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA – BĐ VÀ QLĐĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA

Chuyên ngành: Trắc địa, Ngành: Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ, Trình độ: Đại học

Các bộ môn đã thống nhất kế hoạch và quy trình triển khai công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trình độ đại học đảm bảo các yêu cầu của Nhà trường;

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của các bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của các bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản hội đồng khoa học và đào tạo khoa;

Được sự phân công của lãnh đạo, từ tháng……đến tháng……Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của các bộ môn Trắc địa phổ thông và Sai số, Trắc địa cao cấp, Trắc địa công trình, đã thực hiện việc nghiên cứu và chỉnh sửa chương trình đào tạo chuyên ngành Trắc địa, các nội dung đã chỉnh sửa cụ thể như sau:

1. Mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Không có chỉnh sửa.			

2. Đề cương chi tiết các học phần

STT	Tên học phần	Nội dungchỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Không có chỉnh sửa				

3. Chuẩn đầu ra

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Không có điều chỉnh			

TRƯỞNG KHOA

TS.Trần Thùy Dương

TRƯỞNG BỘ MÔN

- **Trắc địa phổ thông và Sai số**

R. Thị Kỳ Hoa

- **Trắc địa công trình**

Nguyễn Việt Hà

- **Trắc địa cao cấp**

Nguyễn Văn Sáng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA

Chuyên ngành: Trắc địa, Ngành: Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ, Trình độ: Đại học

Căn cứ vào biên bản của các bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của các bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản hội đồng khoa học và đào tạo khoa. Bộ môn: Trắc địa phổ thông và Sai số, Trắc địa cao cấp, Trắc địa công trình báo cáo kết quả rà soát chương trình đào tạo như sau:

Phần I. Nội dung

1. Nội dung, cấu trúc, thời lượng, mức độ liên thông

- *(tóm tắt những điểm lạc hậu hoặc chưa phù hợp – không có điểm lạc hậu và chưa phù hợp)*Kết quả rà soát nội dung kiến thức đối với cấu trúc của chương trình đào tạo, các khối kiến thức, các học phần bắt buộc, tự chọn, hoàn toàn phù hợp theo quy định. Mỗi học phần đảm bảo cung cấp một lượng kiến thức nhất định cho người học có liên quan đến ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ. Chương trình đào tạo có cấu trúc rõ ràng đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành, và khối kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành cân đối logic hợp lý chặt chẽ trong từng học phần.

2. Đề cương chi tiết học phần *(tóm tắt những điểm lạc hậu hoặc chưa phù hợp)*

- Công tác cập nhật và điều chỉnh nội dung học phần chưa được thường xuyên.
- Đề cương chi tiết các học phần còn thiếu tính cập nhật ở phần học liệu.
- Tài liệu tham khảo còn hạn chế.

3. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

Mục tiêu của chương trình đào tạo chuyên ngành Trắc địa đã được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại luật giáo dục đại học và mục tiêu chung của nhà trường trong thời kỳ mới. Chương trình đào tạo ra các kỹ sư có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, có kiến thức tổng hợp về ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ, và có các kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Trắc địa. Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo đã phản ánh được yêu cầu của người học, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động.

Phần II. Tổng hợp ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

-Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra đã đáp ứng được yêu cầu của công việc gắn sát với thực tế sản xuất.

-.....

-.....

Mẫu 3.1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018
CHUYÊN NGÀNH TRẮC ĐỊA

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Phân bố số tín chỉ					Tổ chức TC	Khoa phụ trách	Bộ môn phụ trách	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
BẬC	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016		164	LT	TH+TN	ĐA	TT	LV				CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018		164	
I	**Kiến thức giáo dục đại cương**		**54**												
I.1	***Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc***		***48***												
1	4010101	Đại số	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	KKHCB	Toán	4010101	Đại số	3	
2	4010102	Giải tích 1	4	60	0	0	0	0	4(4.0.8)	KHCB	Toán	4010102	Giải tích 1	4	
3	4010613	Tiếng Anh 1	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHCB	Ngoại ngữ	4010613	Tiếng Anh 1	3	
4	4010614	Tiếng Anh 2	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHCB	Ngoại ngữ	4010614	Tiếng Anh 2	3	
5	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	15	0	0	0	0	1(1.0.2)	KHCB	GDTC	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	
6	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	15	0	0	0	0	1(1.0.2)	KHCB	GDTC	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	
7	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	15	0	0	0	0	1(1.0.2)	KHCB	GDTC	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	
8	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	15	0	0	0	0	1(1.0.2)	KHCB	GDTC	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	
9	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	15	0	0	0	0	1(1.0.2)	KHCB	GDTC	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	
10	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê nin 1	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	LLCT	ILCBCNML	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa	2	
11	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê nin 2	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	LLCT	ILCBCNML	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa	3	
12	4020103	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	LLCT	Pháp luật	4020103	Pháp luật đại cương	2	
13	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	LLCT	ư tưởng HCM	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
14	4020301	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	LLCT		4020301	Đường lối cách mạng của ĐCS V	3	
15	4080201	Tin học đại cương (dùng cho kỹ thuật)	3	30	15	0	0	0	3(2.2.5)	CNTT	in học cơ bả	4080201	Tin học đại cương (dùng cho kỹ t	3	
16	4300111	Đường lối quân sự của Đảng (3TC)		45	0	0	0	0	3(3.0.6)	GDQP		4300111	Đường lối quân sự của Đảng (3T	3	
17	4300112	Công tác quốc phòng - an ninh (2TC)		30	0	0	0	0	2(2.0.4)	GDQP		4300112	Công tác quốc phòng - an ninh (2	2	
18	4300211	Quân sự chung và chiến thuật (3TC)		45	0	0	0	0	3(3.0.6)	GDQP		4300211	Quân sự chung và chiến thuật (3T	3	
19	4010103	Giải tích 2	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHCB	Toán	4010103	Giải tích 2	3	
20	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	30	15	0	0	0	3(2.2.5)	KHCB	Vật lý	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	
21	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	30	15	0	0	0	3(2.2.5)	KHCB	Vật lý	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	
22	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30	15	0	0	0	3(2.2.5)	KHCB	Hóa học	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	
23	4010406	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHCB	Hình họa	4010406	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	3	
I.2	***Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn***		***6***												
24	4010105	Xác suất thống kê	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Toán	4010105	Xác suất thống kê	2	
25	4010106	Phương pháp tính	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Toán	4010106	Phương pháp tính	2	
26	4010109	Logic đại cương	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Toán	4010109	Logic đại cương	2	
27	4010110	Toán tối ưu	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Toán	4010110	Toán tối ưu	2	
28	4010111	Toán rời rạc	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Toán	4010111	Toán rời rạc	2	
II	**Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc**		**33**												
29	4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	4	60	0	0	0	0	4(4.0.8)	TĐ-	TĐPT	4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	4	
30	4050411	Thực tập trắc địa cơ sở 1	2	0	30	0	0	0	2(0.4.2)	Đ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050411	Thực tập trắc địa cơ sở 1	2	

31	4050404	Lý thuyết sai số + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	Đ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050404	Lý thuyết sai số + BTL	3	
32	4050701	Cơ sở bản đồ và vẽ bản đồ + ĐA	4	45	0	15	0	0	4(3.0.9)	Đ-BĐ&QLĐ	Bản đồ	4050701	Cơ sở bản đồ và vẽ bản đồ + ĐA	4	
33	4050402	Trắc địa cơ sở 2 + ĐA	3	30	0	15	0	0	3(2.0.7)	Đ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050402	Trắc địa cơ sở 2 + ĐA	3	
34	4050601	Địa chính đại cương	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Đ-BĐ&QLĐ	Địa chính	4050601	Địa chính đại cương	2	
35	4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Đ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	2	
36	4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	4	60	0	0	0	0	4(4.0.8)	Đ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	4	
37	4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	Đ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	3	
38	4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	Đ-BĐ&QLĐ	ĐA-VT	4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	3	
39	4050301	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	Đ-BĐ&QLĐ	ĐA-VT	4050301	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	3	
III		**Kiến thức giáo dục chuyên ngành**	**57**												
III.1		***Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc***	***43***												
III.1.1		*Kiến thức bổ trợ chuyên ngành*	*12*												
40	4050412	Thực tập trắc địa cơ sở 2	3	0	45	0	0	0	3(0.6.3)	TĐ-	TĐPT	4050412	Thực tập trắc địa cơ sở 2	3	
41	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-	TĐCC	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2	
42	4050202	Xây dựng lưới trắc địa quốc gia	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050202	Xây dựng lưới trắc địa quốc gia	3	
43	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐC	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2	
44	4050102	Máy trắc địa và đo đạc điện tử	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050102	Máy trắc địa và đo đạc điện tử	2	
III.1.2		*Kiến thức chuyên ngành hướng chuyên sâu Trắc địa địa*	*31*												
45	4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	3	
46	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành TĐ)+BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-	TĐCC	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho	3	
47	4050107	Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA	3	30	0	15	0	0	3(2.0.7)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050107	Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA	3	
48	4050302	Cơ sở viễn thám	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐA-VT	4050302	Cơ sở viễn thám	2	
49	4050813	Tiếng Anh chuyên ngành Trắc địa	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐA-VT	4050813	Tiếng Anh chuyên ngành Trắc địa	2	
50	4050407	Lập trình bài toán trắc địa cơ sở + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050407	Lập trình bài toán trắc địa cơ sở + BTL	3	
51	4050103	Trắc địa công trình thành phố công nghiệp + ĐA	4	45	0	15	0	0	4(3.0.9)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050103	Trắc địa công trình thành phố công nghiệp + ĐA	4	
52	4050214	Thực tập trắc địa cao cấp A	3	0	0	0	45	0	3(0.6.3)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050214	Thực tập trắc địa cao cấp A	3	
53	4050403	Bản đồ số và độ chính xác bản đồ địa hình	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050403	Bản đồ số và độ chính xác bản đồ địa hình	2	
54	4050104	Trắc địa công trình giao thông và thủy lợi - thủy	4	45	0	15	0	0	4(3.0.9)	TĐ-	TĐCT	4050104	Trắc địa công trình giao thông	4	
55	4050409	Thành lập bản đồ số địa hình tỷ lệ lớn ứng dụng	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-	TĐPT	4050409	Thành lập bản đồ số địa hình tỷ	2	

II.1.2.		**Thực tập tốt nghiệp**	7												
56	4050414	Thực tập sản xuất	3	0	0	0	45	0	3(0.6.3)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050414	Thực tập sản xuất	3	
57	4050415	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	0	60	0	4(0.8.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050415	Thực tập tốt nghiệp	4	
II.1.2.		**Đồ án tốt nghiệp**	7												
58	4050416	Đồ án tốt nghiệp	7	0	0	0	0	105	7(0.0.21)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050416	Đồ án tốt nghiệp	7	
III.1.3		**Kiến thức chuyên ngành hướng chuyên sâu Trắc địa**													
59	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành TĐ)+BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành TĐ)+BTL	3	
60	4050107	Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA	3	30	0	15	0	0	3(2.0.7)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050107	Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA	3	
61	4050302	Cơ sở viễn thám	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐA-VT	4050302	Cơ sở viễn thám	2	
62	4050204	Trắc địa lý thuyết + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050204	Trắc địa lý thuyết + BTL	3	
63	4050205	Thiên văn cầu và định vị bằng thiên văn + BTL	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050205	Thiên văn cầu và định vị bằng thiên văn + BTL	2	
64	4050207	Bình sai lưới trắc địa + BTL	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050207	Bình sai lưới trắc địa + BTL	2	
65	4050103	Trắc địa công trình thành phố công nghiệp + ĐA	4	45	0	15	0	0	4(3.0.9)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050103	Trắc địa công trình thành phố công nghiệp + ĐA	4	
66	4050214	Thực tập trắc địa cao cấp A	3	0	0	0	45	0	3(0.6.3)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050214	Thực tập trắc địa cao cấp A	3	
67	4050208	Trắc địa biển + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050208	Trắc địa biển + BTL	3	
68	4050104	Trắc địa công trình giao thông và thủy lợi - thủy điện + ĐA	4	45	0	15	0	0	4(3.0.9)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050104	Trắc địa công trình giao thông và thủy lợi - thủy điện + ĐA	4	
II.1.3.		**Thực tập tốt nghiệp**													
69	4050218	Thực tập sản xuất	3	0	0	0	45	0	3(0.6.3)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050218	Thực tập sản xuất	3	
70	4050219	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	0	60	0	4(0.8.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050219	Thực tập tốt nghiệp	4	
II.1.3.		**Đồ án tốt nghiệp**													
71	4050220	Đồ án tốt nghiệp	7	0	0	0	0	105	7(0.0.21)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050220	Đồ án tốt nghiệp	7	
III.1.4		**Kiến thức chuyên ngành hướng chuyên sâu Trắc địa**													
72	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành TĐ)+BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành TĐ)+BTL	3	
73	4050107	Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA	3	30	0	15	0	0	3(2.0.7)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050107	Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA	3	

74	4050302	Cơ sở viễn thám	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐA-VT	4050302	Cơ sở viễn thám	2	
75	4050111	Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050111	Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL	3	
76	4050112	Ứng dụng định vị vệ tinh trong trắc địa công trình	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050112	Ứng dụng định vị vệ tinh trong trắc địa công trình	2	
77	4050103	Trắc địa công trình thành phố công nghiệp + ĐA	4	45	0	15	0	0	4(3.0.9)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050103	Trắc địa công trình thành phố công nghiệp + ĐA	4	
78	4050214	Thực tập trắc địa cao cấp A	3	0	0	0	45	0	3(0.6.3)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050214	Thực tập trắc địa cao cấp A	3	
79	4050105	Trắc địa công trình đường hầm + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050105	Trắc địa công trình đường hầm + BTL	3	
80	4050104	Trắc địa công trình giao thông và thủy lợi - thủy điện + ĐA	4	45	0	15	0	0	4(3.0.9)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050104	Trắc địa công trình giao thông và thủy lợi - thủy điện + ĐA	4	
81	4050108	Thực tập trắc địa công trình	3	0	0	0	45	0	3(0.6.3)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050108	Thực tập trắc địa công trình	3	
II.1.4.		**Thực tập tốt nghiệp**													
82	4050115	Thực tập sản xuất	3	0	0	0	45	0	3(0.6.3)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050115	Thực tập sản xuất	3	
83	4050116	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	0	60	0	4(0.8.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050116	Thực tập tốt nghiệp	4	
II.1.4.		**Đồ án tốt nghiệp**													
84	4050117	Đồ án tốt nghiệp	7	0	0	0	0	105	7(0.0.21)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050117	Đồ án tốt nghiệp	7	
III.2		***Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa***	*12*												
85	4050410	Cơ sở dữ liệu địa hình + BTL	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050410	Cơ sở dữ liệu địa hình + BTL	2	
86	4050413	Thực tập bản đồ số địa hình	2	0	0	0	30	0	2(0.4.2)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050413	Thực tập bản đồ số địa hình	2	
87	4050102	Máy trắc địa và đo đạc điện tử	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050102	Máy trắc địa và đo đạc điện tử	2	
88	4050105	Trắc địa công trình đường hầm + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050105	Trắc địa công trình đường hầm + BTL	3	
89	4050106	Quan trắc chuyển dịch biến dạng công trình	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050106	Quan trắc chuyển dịch biến dạng công trình	2	
90	4050108	Thực tập trắc địa công trình	3	0	0	0	45	0	3(0.6.3)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050108	Thực tập trắc địa công trình	3	
91	4050111	Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050111	Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL	3	
92	4050112	Ứng dụng định vị vệ tinh trong trắc địa công trình	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050112	Ứng dụng định vị vệ tinh trong trắc địa công trình	2	
93	4050113	Đo vẽ bản đồ công trình ngầm đô thị	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050113	Đo vẽ bản đồ công trình ngầm đô thị	2	

94	4050204	Trắc địa lý thuyết + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050204	Trắc địa lý thuyết + BTL	3	
95	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2	
96	4050207	Bình sai lưới trắc địa + BTL	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050207	Bình sai lưới trắc địa + BTL	2	
97	4050208	Trắc địa biển + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-	TĐCC	4050208	Trắc địa biển + BTL	3	
98	4050211	Định vị vệ tinh (GPS)-B (cho Địa chính …)	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-	TĐCC	4050211	Định vị vệ tinh (GPS)-B (cho	2	
99	4050214	Thực tập trắc địa cao cấp A	3	0	0	0	45	0	3(0.6.3)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050214	Thực tập trắc địa cao cấp A	3	
100	4050215	Thực tập trắc địa cao cấp B	2	0	0	0	30	0	2(0.4.2)	TĐ-	TĐCC	4050215	Thực tập trắc địa cao cấp B	2	
101	4050216	Thực tập định vị vệ tinh	1	0	0	0	15	0	1(0.2.1)	TĐ-	TĐCC	4050216	Thực tập định vị vệ tinh	1	
102	4050308	Đoán đọc và điều vẽ ảnh	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐA-VT	4050308	Đoán đọc và điều vẽ ảnh	2	
103	4050309	Đo ảnh phạm vi gần	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐA-VT	4050309	Đo ảnh phạm vi gần	2	
104	4050403	Bản đồ số và độ chính xác bản đồ địa hình	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-	TĐPT	4050403	Bản đồ số và độ chính xác bản	2	
105	4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Đ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	2	
106	4050406	Ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê trong trắc địa	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Đ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050406	Ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê trong trắc địa	2	
107	4050407	Lập trình bài toán trắc địa cơ sở + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	Đ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050407	Lập trình bài toán trắc địa cơ sở + BTL	3	
108	4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	3	
109	4050409	Thành lập bản đồ số địa hình tỷ lệ lớn ứng dụng công nghệ mới	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050409	Thành lập bản đồ số địa hình tỷ lệ lớn ứng dụng công nghệ mới	2	
110	4050412	Thực tập trắc địa cơ sở 2	3	0	45	0	0	0	3(0.6.3)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐPT	4050412	Thực tập trắc địa cơ sở 2	3	
111	4050513	Ứng dụng tin học trong quy hoạch và quản lý môi trường	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	Mỏ - CT	4050513	Ứng dụng tin học trong quy hoạch và quản lý môi trường	2	
112	4050613	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐC	4050613	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	2	
113	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐC	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2	
114	4010105	Xác suất thống kê	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Toán	4010105	Xác suất thống kê	2	
115	4010106	Phương pháp tính	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Toán	4010106	Phương pháp tính	2	
116	4010109	Logic đại cương	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Toán	4010109	Logic đại cương	2	
117	4010110	Toán tối ưu	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Toán	4010110	Toán tối ưu	2	
118	4010111	Toán rời rạc	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Toán	4010111	Toán rời rạc	2	
119	4050730	Các phương pháp sử dụng bản đồ	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	BĐ	4050730	Các phương pháp sử dụng bản đồ	2	
120	4050727	Ứng dụng tin học trong thiết kế và thành lập bản đồ	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	BĐ	4050727	Ứng dụng tin học trong thiết kế và thành lập bản đồ	2	

121	4050728	Thiết kế bản đồ đa phương tiện	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	BĐ	4050728	Thiết kế bản đồ đa phương tiện	2	
122	4050729	3D GIS và mô hình hóa bề mặt	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	BĐ	4050729	3D GIS và mô hình hóa bề mặt	2	
123	4050732	Ứng dụng bản đồ và GIS trong quản lý tài nguyên	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	BĐ	4050732	Ứng dụng bản đồ và GIS trong quản lý tài nguyên	2	
124	4050610	Địa chính đô thị	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐC	4050610	Địa chính đô thị	2	
125	4050622	Đo đạc địa chính 2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐC	4050622	Đo đạc địa chính 2	2	
126	4050624	Thực tập đo đạc địa chính 2	2	0	0	0	30	0	2(0.4.2)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐC	4050624	Thực tập đo đạc địa chính 2	2	
127	4050645	Thuế bất động sản	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐC	4050645	Thuế bất động sản	2	
128	4050646	Giao đất, thu hồi đất	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐC	4050646	Giao đất, thu hồi đất	2	
129	4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	Đ-BĐ&QLĐ	TĐCT	4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	3	
130	4050648	Bồi thường giải phóng mặt bằng	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐC	4050648	Bồi thường giải phóng mặt bằng	2	
131	4050647	Quy hoạch và phát triển nông thôn	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐC	4050647	Quy hoạch và phát triển nông thôn	2	
132	4050813	Tiếng Anh chuyên ngành Trắc địa	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐA-VT	4050813	Tiếng Anh chuyên ngành Trắc địa	2	
133	4050209	Đo trọng lực	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050209	Đo trọng lực	2	
134	4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐA-VT	4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	3	
III.3		***Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường***	*8*												
135	4000001	Kinh tế và QTDN	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	KT-QTDN		4000001	Kinh tế và QTDN	3	
136	4000002	Quản trị dự án đầu tư	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	KT-QTDN		4000002	Quản trị dự án đầu tư	3	
137	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2	
138	4000004	Autocad + TH	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	CNTT	Tin học cơ bản	4000004	Autocad + TH	2	
139	4000005	Tiếng Anh 3	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Ngoại ngữ	4000005	Tiếng Anh 3	2	
140	4000006	Tiếng Anh 4	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Ngoại ngữ	4000006	Tiếng Anh 4	2	
141	4020104	Thiết kế Website	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	CNTT		4020104	Thiết kế Website	2	
142	4010403	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)			4010403	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2	
143	4010603	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)			4010603	Kỹ năng giao tiếp và làm việc	2	
144	4010604	Tâm lý học đại cương	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)			4010604	Tâm lý học đại cương	2	
145	4010605	Tiếng Việt thực hành	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)			4010605	Tiếng Việt thực hành	2	

146	4010606	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)			4010606	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
147	4010607	Kỹ năng tư duy phê phán	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)			4010607	Kỹ năng tư duy phê phán	2	
148	4010608	Lịch sử Triết học	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	LLCT		4010608	Lịch sử Triết học	2	
149	4030114	Tiếng Nga 1	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Ngoại ngữ	4030114	Tiếng Nga 1	2	
150	4030222	Tiếng Nga 2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Ngoại ngữ	4030222	Tiếng Nga 2	2	
151	4030422	Tiếng Trung 1	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Ngoại ngữ	4030422	Tiếng Trung 1	2	
152	4040101	Tiếng Trung 2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Ngoại ngữ	4040101	Tiếng Trung 2	2	
153	4040110	Cơ sở khai thác lộ thiên	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Mỏ	Lộ thiên	4040110	Cơ sở khai thác lộ thiên	2	
154	4040517	Cơ sở khai thác hầm lò	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Mỏ	Hầm lò	4040517	Cơ sở khai thác hầm lò	2	
155	4050203	Cơ sở tuyển khoáng	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHKTĐC	Tuyển khoáng	4050203	Cơ sở tuyển khoáng	2	
156	4050302	Địa chất đại cương	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHKTĐC	Địa chất	4050302	Địa chất đại cương	3	
157	4050301	Địa mạo cảnh quan	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHKTĐC	Địa chất	4050301	Địa mạo cảnh quan	2	
158	4050509	Cơ sở Địa chất công trình - Địa chất thủy văn	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHKTĐC	ĐCCT	4050509	Cơ sở Địa chất công trình - Địa chất thủy văn	3	
159	4050526	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành TĐ)+BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	TĐCC	4050526	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành TĐ)+BTL	3	
160	4060142	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐA-VT	4060142	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	3	
161	4060339	Cơ sở viễn thám	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	ĐA-VT	4060339	Cơ sở viễn thám	2	
162	4060402	Kỹ thuật môi trường	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Môi	MTCS	4060402	Kỹ thuật môi trường	2	
163	4070304	Trắc địa đại cương	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	Mỏ - CT	4070304	Trắc địa đại cương	2	
164	4070331	Địa vật lý đại cương	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Dầu khí	ĐVL	4070331	Địa vật lý đại cương	2	
165	4070401	Cơ sở lọc hóa dầu	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Dầu khí	LHD	4070401	Cơ sở lọc hóa dầu	2	
166	4080153	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Dầu khí		4080153	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	
167	4080309	Nguyên lý kế toán	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	KT-QTDN	Kế toán	4080309	Nguyên lý kế toán	3	
168	4100167	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	CNTT		4100167	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2	
169	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Môi trường		4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	
170	4110130	Địa y học	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)			4110130	Địa y học	2	
171	4110236	Môi trường và con người	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)			4110236	Môi trường và con người	2	
172	4040825	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Xây dựng		4040825	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2	
173	4090301	Kỹ thuật điện +TN	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Cơ điện		4090301	Kỹ thuật điện +TN	2	
174	4070335	Một số vấn đề cơ bản về quản lý Nhà nước trong hoạt động dầu khí	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)			4070335	Một số vấn đề cơ bản về quản lý Nhà nước trong hoạt động dầu khí	2	
175	4070336	Văn hóa doanh nghiệp	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)			4070336	Văn hóa doanh nghiệp	2	
176	4050513	Ứng dụng địa tin học trong quy hoạch và quản lý môi trường	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐ	Mỏ - CT	4050513	Ứng dụng địa tin học trong quy hoạch và quản lý môi trường	2	

177	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐĐ	ĐC	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2	
178	4070403	Kế toán tài chính 1	4	60	0	0	0	0	4(4.0.8)	KT-QTDN	Kế toán DN	4070403	Kế toán tài chính 1	4	
179	4050610	Địa chính đô thị	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐĐ	ĐC	4050610	Địa chính đô thị	2	
180	4050616	Quản lý bất động sản	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐĐ	ĐC	4050616	Quản lý bất động sản	2	
181	4050621	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐĐ	ĐC	4050621	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	2	
182	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐĐ	ĐC	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2	
183	4050649	Quy hoạch vùng	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TĐ-BĐ&QLĐĐ	ĐC	4050649	Quy hoạch vùng	3	
184	4050653	Quản lý đất đô thị	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TĐ-BĐ&QLĐĐ	ĐC	4050653	Quản lý đất đô thị	2	
185	4050650	Phương pháp lập dự án đầu tư	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)			4050650	Phương pháp lập dự án đầu tư	2	
186	4040825	Cơ sở sinh vật học	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)			4040825	Cơ sở sinh vật học	2	

BỘ MÔN

Nguyễn Văn Sáng

HIỆU TRƯỞNG

KHOA

Trần Thắng Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số 1231/QĐ-MĐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý - Mã số: 752050305 (ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Mã số: 7520503)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo; Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ công văn số 163-05/MĐC-TĐ-BĐ-QLĐĐ ngày 16/3/2018 của Hội đồng khoa học khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai về việc thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra (danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo có nhiệm vụ tổ chức triển khai việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành. Tổ công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HC-TH, ĐTĐH (09)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

DANH SÁCH
TỔ CÔNG TÁC RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA

(Kèm theo Quyết định số 1231 /QĐ-MĐC ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

1.	PGS.TS Trần Xuân Trường	Trưởng bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Tổ trưởng
2.	PGS. TS Trần Văn Anh	Phó trưởng bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Thư ký
3.	TS. Trần Trung Anh	Phó trưởng bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Thành viên.
4.	PGS. TS Nguyễn Văn Trung	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Thành viên
5.	ThS. Đoàn Thị Nam Phương	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Thành viên
6.	PGS. TS Trần Đình Trí	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Thành viên
7.	TS. Phạm Hà Thái	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Thành viên
8.	TS. Trần Hồng Hạnh	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Thành viên
9.	TS. Lê Thu Trang	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Thành viên
10.	ThS. Trần Thanh Hà	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Thành viên
11.	ThS. Lê Thanh Nghị	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Thành viên
12.	ThS. Phạm Minh Hải	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Thành viên
13.	ThS. Phạm Thị Thanh Hòa	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Thành viên
14.	ThS. Trần Phương Ly	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Thành viên

Tổng số: 14 cán bộ./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT **BỘ MÔN ĐO ẢNH VÀ VIỄN THÁM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 163-05 / TĐ-BĐ&QLĐĐ	*Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018*

V/v thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào thông báo số 141 /MĐC-ĐTĐH ngày 12/3/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Căn cứ vào cuộc họp của Bộ môn Đo ảnh và viễn thám về việc thành lập tổ công tác rà soát cho chuyên ngành **Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý** - Mã số: 752050305 (ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ - Mã số:7520503).

Bộ môn Đo ảnh và viễn thám đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra:

1. PGS.TS Trần Xuân Trường,	Trưởng BM - Bộ môn Đo ảnh và viễn thám – Tổ trưởng
2. PGS.TS Trần Vân Anh,	P.Trưởng BM - Bộ môn Đo ảnh và viễn thám – Thư ký
3. TS Trần Trung Anh,	P.Trưởng BM - Bộ môn Đo ảnh và viễn thám – Thành viên
4. PGS.TS Nguyễn Văn Trung	Bộ môn Đo ảnh và viễn thám - Thành viên
5. ThS Đoàn Thị Nam Phương	Bộ môn Đo ảnh và viễn thám - Thành viên

6. PGS.TS Trần Đình Trí - Bộ môn Đo ảnh và viễn thám - Thành viên
7. TS Phạm Hà Thái - Bộ môn Đo ảnh và viễn thám - Thành viên
8. TS Trần Hồng Hạnh - Bộ môn Đo ảnh và viễn thám - Thành viên
9. TS Lê Thu Trang - Bộ môn Đo ảnh và viễn thám - Thành viên
10. ThS Trần Thanh Hà - Bộ môn Đo ảnh và viễn thám - Thành viên
11. ThS Lê Thanh Nghị - Bộ môn Đo ảnh và viễn thám - Thành viên
12. ThS Phạm Minh Hải - Bộ môn Đo ảnh và viễn thám - Thành viên
13. ThS Phạm Thị Thanh Hòa - Bộ môn Đo ảnh và viễn thám - Thành viên
14. ThS Trần Phương Ly - Bộ môn Đo ảnh và viễn thám – Thành viên

Trân trọng ./.

Hội đồng khoa học
Khoa Trắc địa – Bản đồ

TS Trần Thùy Dương

Bộ môn Đo ảnh và viễn thám

PGS.TS Trần Xuân Trường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ VÀ QLĐĐ
BỘ MÔN ĐO ẢNH VÀ VIỄN THÁM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học cho chuyên ngành **Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý**

Mã số: 752050305 **(ngành Trắc địa - Bản đồ - Mã số: 7520503)**

1. **Thời gian**: 9h00 ngày 27 tháng 3 năm 2018
2. **Địa điểm**: Tại VP Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám
3. **Thành phần cuộc họp**:

- PGS.TS Trần Xuân Trường – Chủ trì
- TS Trần Trung Anh – Thư ký

Cùng toàn thể các giảng viên của Bộ môn.

4. **Nội dung cuộc họp**:

- PGS.TS Trần Xuân Trường – chủ trì trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học.

- TS Trần Trung Anh đọc quy chế đào tạo, cơ cấu sắp xếp của chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết các học phần, tóm tắt nội dung của các học phần, chuẩn đầu ra của chuyên ngành Bộ môn phụ trách.

- Các thành viên Hội đồng khoa học trao đổi, xem xét chỉnh sửa kỹ lưỡng toàn bộ CTĐT, đề cương chi tiết các học phần, tóm tắt nội dung các HP, kế hoạch đào tạo, chuẩn đầu ra. Cách xây dựng đề cương chi tiết HP kỹ lưỡng hơn, phù hợp với cách học tín chỉ cho sinh viên, đảm bảo tính hiện đại cập nhật những thành tựu khoa học mới ở trên thế giới cũng như ở trong nước.

- Các thành viên Hội đồng khoa học của Bộ môn biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%.

- Chủ trì cuộc họp kết luận về CTĐT, đề cương chi tiết các học phần.

5. **Kết luận**:

Các nhà khoa học nhất trí thông qua chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, lập biên bản đề nghị Hội đồng khoa học cấp Khoa và Nhà trường thông qua.

Cuộc họp kết thúc lúc 11h30phút cùng ngày.

CHỦ TRÌ	**THƯ KÝ**
PGS. TS Trần Xuân Trường	**TS Trần Trung Anh**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ VÀ QLĐĐ
BỘ MÔN ĐO ẢNH VÀ VIỄN THÁM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2018

BIÊN BẢN HỘI THẢO

Về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018

1. Thời gian: ngày 02 tháng 4 năm 2018
2. Địa điểm: Tại VP Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám
3. Thành phần tham dự:

- Thành viên Hội đồng khoa học Khoa Trắc địa – Bản đồ và QLĐĐ
- Thành viên Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo
- Các Đại biểu khách mời
- Chủ trì cuộc họp: PGS.TS Trần Xuân Trường
- Thư ký: TS Trần Trung Anh

Cùng các đại biểu là các nhà khoa học, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu học viên… (có danh sách kèm theo)

4. Nội dung cuộc họp:

- PGS.TS Trần Xuân Trường – chủ trì giới thiệu buổi hội thảo nhằm điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018 trình độ đại học của ngành Trắc địa – Bản đồ, chuyên ngành Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin Địa lý do Bộ môn quản lý.

- TS Trần Trung Anh đọc quy chế đào tạo đại học hệ tín chỉ và quy định khi xây dựng chương trình đào tạo, kết cấu thời lượng của các học phần bắt buộc, học phần tự chọn, điểm qua các sự thay đổi giữa CTĐT năm 2016 và CTĐT 2018 được nhóm soạn thảo đề xuất.

- TS Đào Ngọc Long phát biểu: CTĐT mà Bộ môn xây dựng so với CTĐT 2016 là không thay đổi vì đảm bảo tính thống nhất, tuy nhiên cần xây dựng lại đề cương chi tiết các HP sao cho hướng dẫn chi tiết cho người học.

- PGS. TS Trần Đình Trí đóng góp thêm để lên kế hoạch học tập cho sinh viên được rõ ràng phù hợp với cách học tín chỉ.

- TS Trần Đình Luật đóng góp nên điều chỉnh CTĐT theo hướng bổ sung thêm các HP tự chọn, nội dụng cần bám sát thực tiễn và sinh viên ra trường có thể làm việc ngay và có thể học tiếp tục lên sau đại học.

- Một số nhà khoa học cũng đóng góp thêm nhiều ý kiến xác đáng.

- Chủ trì cuộc họp tóm tắt lại các ý kiến quan trọng đồng thời chỉ đạo Ban soạn thảo CTĐT tiếp thu ý kiến của các nhà khoa học, các đại biểu dự hội thảo và ghi nhận ra soát chỉnh sửa để trình Hội đồng khoa học họp thông qua.

5. Kết luận:

CTĐT sau khi chỉnh sửa, góp ý, bổ sung sau buổi hội thảo đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo. Đề nghị hoàn thiện để các cấp thẩm quyền thông qua.

Cuộc họp kết thúc lúc 11h30phút cùng ngày.

CHỦ TRÌ	THƯ KÝ
PGS. TS Trần Xuân Trường	TS Trần Trung Anh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1232 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý - Mã số: 752050305; ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Mã số: 7520503 của Khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai - Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1231 /QĐ-MĐC ngày 19 / 3/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý - Mã số: 752050305 (ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Mã số: 7520503);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý (ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ) gồm các thành viên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học tổ chức thực hiện thẩm định chương trình theo Quy định của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định hiện hành. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thành viên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(09).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH TRẮC ĐỊA ẢNH, VIỄN THÁM VÀ HỆ THÔNG TIN ĐỊA LÝ - MÃ SỐ: 752050305 (NGÀNH KỸ THUẬT TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ - MÃ SỐ: 7520503)

(Kèm theo QĐ số: 1232/QĐ-MĐC ngày 05/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Họ tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	TS. Đào Ngọc Long	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	Chủ tịch hội đồng
2	PGS.TS Trần Xuân Trường	Trưởng bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thư ký
3	TS. Trần Đình Luật	Tổng Công ty Tài nguyên môi trường Việt Nam	Ủy viên
4	TS. Trần Trung Anh	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
5	TS. Nguyễn Thế Công	Phó trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
6	TS. Trần Thùy Dương	Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai	Ủy viên
7	PGS.TS Trần Vân Anh	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
8	TS. Đỗ Thị Hoài	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	Ủy viên
9	PGS.TS Nguyễn Văn Trung	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên

Tổng số: 09 cán bộ./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA – BẢN ĐỒ VÀ QLĐĐ

Số: /MĐC-TĐ-BĐ&QLĐĐ
V/v thành lập Hội đồng thẩm định chươngtrình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2018

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào cuộc họp của Bộ môn Đo ảnh và viễn thám về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo chuyên ngành **Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý** - Mã số: 752050305 (ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ - Mã số: 7520503). Bộ môn Đo ảnh và viễn thám đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học thành lập Hội đồng thẩm định với danh sách như sau:

1	TS Đào Ngọc Long	Viện KH Đo đạc Bản đồ VN	Chủ tịch	Ghi chú
2	PGS.TS Trần Xuân Trường	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thư ký	
3	TS Trần Đình Luật	Tổng Công ty Tài nguyên môi trường VN	Ủy viên	

4	TS Trần Trung Anh	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thành viên	
5	TS Nguyễn Thế Công	Phó trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thành viên	
6	TS. Trần Thùy Dương	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thành viên	
7	PGS.TS. Trần Vân Anh	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thành viên	
8	TS Đỗ Thị Hoài	Viện KH Đo đạc Bản đồ VN	Thành viên	
9	PGS.TS Nguyễn Văn Trung	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thành viên	

Trân trọng ./.

Hội đồng khoa
Khoa Trắc địa – Bản đồ và QLĐĐ

Trần Thuỳ Dương

Bộ môn Đo ảnh và viễn thám

PGS.TS Trần Xuân Trường

KHOA TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ VÀ QLĐĐ
BỘ MÔN ĐO ẢNH VÀ VIỄN THÁM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN NGÀNH TRẮC ĐỊA ẢNH, VIỄN THÁM VÀ HỆ THÔNG TIN ĐỊA LÝ
MÃ SỐ: 752050305
(NGÀNH TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ - MÃ SỐ: 7520503)

Hôm nay, vào lúc 8h30phút ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại phòng 10.06 Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Hội đồng thẩm định Chương trình hệ Đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý - Mã số:752050305 ngành Trắc địa - Bản đồ - mã số: 7520503) của Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ - Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định

TT	Họ tên, học hàm, học vị	Cơ quan công tác	Chuyên ngành	Trách nhiệm trong Hội đồng	Ghi chú
1	TS Đào Ngọc Long	Viện KH Đo đạc Bản đồ VN		Chủ tịch	
2	PGS.TS Trần Xuân Trường	Trường Đại học Mỏ - Địa chất		Thư ký	
3	TS Trần Đình Luật	Tổng Công ty Tài nguyên môi trường VN		Ủy viên	
4	TS Trần Trung Anh	Trường Đại học Mỏ - Địa chất		Thành viên	
5	TS Nguyễn Thế Công	Phó trưởng phòng Đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất		Thành viên	
6	TS. Trần Thùy Dương	Trường Đại học Mỏ - Địa chất		Thành viên	
7	PGS.TS. Trần Vân Anh	Trường Đại học Mỏ - Địa chất		Thành viên	
8	TS Đỗ Thị Hoài	Viện KH Đo đạc Bản đồ VN		Thành viên	
9	PGS.TS Nguyễn Văn Trung	Trường Đại học Mỏ - Địa chất		Thành viên	

II. Nội dung thẩm định

1. Bộ môn báo cáo tóm tắt nội dụng quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo trình độ Đại học hệ chính quy chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS -Mã số: 752050305

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng về chương trình đào tạo

3. Bộ môn trả lời các câu hỏi của thành viên Hội đồng thẩm định

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín

5. Kết quả thẩm định bằng phiếu

- Số phiếu đánh giá Chương trình phát ra:09
- Số phiếu đánh giá Chương trình thu về:09
- Phiếu hợp lệ:09
- Phiếu không hợp lệ:0
- Số phiếu đánh giá Chương trình đạt yêu cầu:09
- Số phiếu đánh giá Chương trình không đạt yêu cầu:0

6. Kết luận của Hội đồng thẩm định

Phiên họp kết thúc vào hồi 11h45ph cùng ngày.

Thư ký Hội đồng	**Chủ tịch Hội đồng**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*
PGS.TS Trần Xuân Trường	**TS Đào Ngọc Long**

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS Đào Ngọc Long

Chức danh: Năm phong:

Học vị: Tiến sĩ: Năm bảo vệ: 2008

Cơ quan công tác: Viện Khoa học đo đạc Bản đồ Việt Nam

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý; Mã số: 752050305

Của Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

- Chương trình đào tạo đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý do Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Trường đại học Mỏ - Địa chất biên soạn hoàn toàn hợp lý, có chất lượng tốt, đảm bảo tính thời sự và tính hiện đại, phù hợp với xu thế khoa học công nghệ về lĩnh vực Trắc địa – Bản đồ và Đo ảnh, viễn thám, hệ thông tin địa lý hiện nay trên thế giới,

Chương trình đáp ứng các tiêu chí về yêu cầu chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho khối ngành kỹ thuật và phù hợp với chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý, trình độ đào tạo Đại học chính quy.

- Nội dung chương trình đào tạo được thiết kế hợp lý, logic và nhất quán, có tính chất khoa học, chuyên môn rõ ràng, phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ kiến thức cho sinh viên theo học. Sự phân chia khối lượng kiến thức (số tín chỉ) là phù hợp với thời gian đào tạo 5 năm cho kỹ sư ngành Kỹ thuật.

+ Đề cương chi tiết được xây dựng với đầy đủ nội dung, kiến thức môn học, có tính khoa học cao.

+ Chương trình đào tạo đã có sự tham khảo của các chương trình đào tạo đã có của các trường đại học trong và ngoài nước như Nga, Pháp, Trung Quốc, Đài Loan,...và các chương trình đào tạo của một số cơ sở đào tạo trong nước như Trường đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh,...

+ Chương trình đào tạo này đã có sự cập nhật các kiến thức và công nghệ hiện đại trong đào tạo Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý trong nước và quốc tế, phù hợp với các yêu cầu về công nghệ Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý hiện nay ở nước ta.

+ Nội dung các học phần được thiết kế hợp lý, phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên thời gian đào tạo 5 năm là hơi dài cần có lộ trình điều chỉnh giảm thời gian học xuống còn 4 năm sẽ phù hợp hơn.

+ Kế hoạch đào tạo được sắp xếp logic, phù hợp và có tính liên thông giữa các môn học với nhau trong từng học kỳ và giữa các học kỳ để đảm bảo sự phù hợp với điều hiện học tập của sinh viên hiện nay theo phương thức đào tạo tín chỉ.

2. Về hình thức chương trình

- Cấu trúc chung của chương trình đào tạo chuyên ngành bản đồ được thiết kế theo các học phần và khối kiến thức về cơ bản được thiết kế khoa học, chặt chẽ, phù hợp với nội dung chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy, đảm bảo những kiến thức cơ bản và cơ sở ngành và chuyên ngành phù hợp và cân đối. Các nội dung trong chương trình được bố trí cân đối, đảm bảo hình thức trình bày khoa học, logic.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS do Trường đại học Mỏ - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư Trắc địa – Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét

TS Đào Ngọc Long

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: PGS.TS Trần Xuân Trường

Chức danh: PGS Năm phong: 2015

Học vị: Tiến sĩ: Năm bảo vệ: 2010

Cơ quan công tác: Trường đại học Mỏ - Địa chất

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành **Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý**; Mã số: 752050305

Của Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

Chương trình đào tạo đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý hoàn toàn đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Về mục tiêu: Mục tiêu của chương trình phù hợp với xu thế đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý trong và ngoài nước hiện nay.

Về nội dung: Chương trình được xây dựng theo đúng khung chương trình đại học khối ngành kỹ thuật do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, do đó đảm bảo được cấu trúc kiến thức theo quy định. Chương trình đào tạo kỹ sư chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý được thiết kế với thời gian đào tạo 5 năm, gồm hai hướng chuyên sâu: Trắc địa ảnh - Viễn thám với 164 tín chỉ và Viễn thám - GIS với 163 tín chỉ. Các kiến thức từ đại cương đến cơ sở ngành và chuyên ngành được phân chia hợp lý, đảm bảo tính khoa học, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận.

Chương trình đã có sự cập nhật các kiến thức mới trong và ngoài nước liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ về Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý.

Đề cương chi tiết các học phần về cơ bản được thiết kế khoa học, đáp ứng nội dung của môn học và phù hợp với xu thế khoa học công nghệ Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý tại các cơ sở sản xuất cũng như các cơ quan nghiên cứu trong nước và quốc tế.

Các môn học được thiết kế với thời lượng và dung lượng kiến thức một cách hợp lý và phù hợp với với cấu trúc chương của toàn bộ chương trình.

Kế hoạch đào tạo được chia thành 10 học kỳ, các môn học được phân bố phù hợp trong 9 học kỳ đảm bảo sự cân đối kiến thức giữa các học kỳ và sự liên thông của các môn học. Tuy nhiên, để tiếp cận theo chuẩn chương trình đào tạo CDIO và có lộ trình để giảm thời lượng đào tạo xuống còn 4 năm sẽ phù hợp hơn.

2. Về hình thức chương trình

- Chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng, mạch lạc và có tính khoa học.
- Cấu trúc chung của chương trình đào tạo theo các học phần và các khối kiến thức được thiết kế khoa học, chặt chẽ, phù hợp với nội dung chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy, đảm bảo sự phù hợp và cân đối.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý do Trường đại học Mỏ - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư Trắc địa – Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét

PGS.TS Trần Xuân Trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS. Trần Đình Luật

Chức danh: Năm phong:

Học vị: Tiến sĩ: Năm bảo vệ: 1990

Cơ quan công tác: Tổng Công ty TN&MT Việt Nam

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý; Mã số: 752050305

Của Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

Chương trình đào tạo đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý được Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ - Địa chất biên soạn hoàn toàn phù hợp với quy chế đào tạo Đại học hiện nay của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhận xét về mục tiêu đào tạo:

Mục tiêu của chương trình đào tạo cụ thể, rõ ràng, đảm bảo tính nhất quán, phù hợp với xu thế đào tạo trong và ngoài nước hiện nay.

- Nhận xét về nội dung chương trình đào tạo:

Nội dung chương trình đào tạo về cơ bản là phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo, đồng thời cũng bắt kịp với xu thế chung của Thế giới về lĩnh vực Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS.

Chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy gồm hai hướng chuyên sâu: (1) Trắc địa ảnh - Viễn thám với 164 tín chỉ (TC) và (2) Đối với hướng chuyên sâu Viễn thám - GIS với 163 tín chỉ (TC) với thời gian đào tạo 5 năm, trong đó có 53 TC kiến thức giáo

dục đại cương (trong đó có 6 TC tự chọn), 111 TC giáo dục chuyên nghiệp cho hướng chuyên sâu Trắc địa ảnh - Viễn thám (trong đó có 36 TC cơ sở ngành bắt buộc, 61 TC Kiến thức chuyên ngành, 7 TC Thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp, 7 TC Đồ án tốt nghiệp) và 110 TC giáo dục chuyên nghiệp cho hướng chuyên sâu Viễn thám - GIS (trong đó có 36 TC cơ sở ngành bắt buộc, 60 TC Kiến thức chuyên ngành, 7 TC Thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp, 7 TC Đồ án tốt nghiệp). Các khối kiến thức phân chia như vậy là đảm bảo yêu cầu đầy đủ của chương trình đào tạo trình độ Đại học chính quy của chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS thuộc ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ.

Chương trình đào tạo có tính đến yêu cầu phát triển khoa học công nghệ trong lĩnh vực Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý trong xu thế hội nhập cũng như sự phát triển của khoa học công nghệ ở trong và ngoài nước.

+ Các học phần được thiết kế hợp lý, phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Kế hoạch sắp xếp các học phần giữa các học kỳ tương đối hợp lý, đảm bảo được khả năng tiếp nhận kiến thức của sinh viên, đáp ứng được tính liên thông giữa các học phần với nhau.

2. Về hình thức chương trình

- Cấu trúc chung của chương trình đào tạo theo các học phần và chia thành 3 khối kiến thức: khối kiến thức cơ bản và cơ sở ngành và chuyên ngành, các khối kiến thức được thiết kế khoa học, chặt chẽ, phù hợp với nội dung chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy, đảm bảo sự phù hợp và cân đối. Nội dung trong chương trình được bố trí cân đối, đảm bảo hình thức trình bày khoa học và logic.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS - ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ do Trường đại học Mỏ - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư Trắc địa – Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét

TS. Trần Đình Luật

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS. Trần Trung Anh

Chức danh: Năm phong:

Học vị: Tiến sĩ: Năm bảo vệ: 2011

Cơ quan công tác: Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý; Mã số: 752050305

Của Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

- Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với xu thế khoa học công nghệ về lĩnh vực Trắc địa – Bản đồ và Hệ thông tin địa lý hiện nay trên thế giới, đáp ứng các tiêu chí về yêu cầu chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho khối ngành kỹ thuật và phù hợp với chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý trình độ đào tạo Đại học chính quy.

- Nội dung chương trình:

+ Chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy được xây dựng gồm 164 tín chỉ với hướng chuyên sâu Trắc địa ảnh - Viễn thám và 163 tín chỉ với hướng chuyên sâu Viễn thám – GIS, với 53 tín chỉ giáo dục đại cương, 36 tín chỉ cơ sở ngành, 60-61 tín chỉ chuyên ngành (tương ứng với 2 hướng chuyên sâu), 7 tín chỉ thực tập sản xuất và tốt nghiệp, 7 tín chỉ đồ án tốt nghiệp. Các đề cương được xây dựng trên cơ sở khung chương trình, đảm bảo nội dung rõ ràng, phù hợp.

+ Nội dung chương trình hoàn toàn hợp lý, đảm bảo đúng và đầy đủ yêu cầu về lượng kiến thức chuyên môn cần thiết cho sinh viên chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý.

+ Chương trình đào tạo đã có sự tham khảo của các chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới, đảm bảo xu thế hội nhập và phát triển của lĩnh vực đo ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý.

+ Kế hoạch đào tạo được sắp xếp logic, phù hợp với điều hiện học tập của sinh viên hiện nay theo phương thức đào tạo tín chỉ.

+ Nội dung các học phần được thiết kế hợp lý, phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên thời gian đào tạo cần có lộ trình điều chỉnh giảm xuống còn 4 năm sẽ phù hợp hơn.

2. Về hình thức chương trình

- Cấu trúc chương trình đào tạo Đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý được thiết kế phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, đảm bảo tính hiện đại và hội nhập.

- Chương trình được bố trí với hình thức hợp lý, cân đối, trình bày khoa học, logic.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý - ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ do Trường đại học Mỏ - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư Trắc địa – Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét

TS. Trần Trung Anh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS. Nguyễn Thế Công

Chức danh: Năm phong:

Học vị: Tiến sĩ Năm bảo vệ: 2011

Cơ quan công tác: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Ngành:

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý; Mã số: 752050305

Của Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

- Nhận xét về mục tiêu đào tạo: mục tiêu của chương trình phù hợp với xu thế đào tạo của xã hội hiện nay đối với chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý, ngành Trắc địa - Bản đồ với trình độ đào tạo Đại học chính quy.

- Nhận xét về nội dung chương trình đào tạo:

+ Nội dung chương trình đảm bảo yêu cầu đầy đủ của chương trình đào tạo trình độ Đại học chính quy và phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo.

+Chương trình có sự tham khảo nhất định các chương trình đào tạo Trắc địa Bản đồ hiện nay của các trường trong và ngoài nước.

+ Đề cương chi tiết của các học phần về cơ bản được thiết kế khoa học với thời lượng hợp lý. Khối lượng phù hợp với chương trình Khung của Bộ GD&ĐT.

2. Về hình thức chương trình

- Các nội dung trong chương trình được bố trí cân đối, đảm bảo hình thức, trình bày khoa học, logic.

- Cấu trúc chung của Chương trình đào tạo theo các học phần và khối kiến thức về cơ bản được thiết kế khoa học, chặt chẽ, phù hợp với nội dung chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy, đảm bảo những kiến thức cơ bản về chuyên ngành đào tạo

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS do Trường đại học Mỏ - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư Trắc địa – Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét

TS. Nguyễn Thế Công